

Bản tin Phân tích kỹ thuật

14/08/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G8000 đóng với tín hiệu giảm kèm áp lực điều chỉnh cao. Do đó, vị thế bán nên được ưu tiên. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán với mục tiêu là vùng 1.868 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.885 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.881 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.868 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.885 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tiêu cực
VN30	Tiêu cực	Tiêu cực
VNMid	Trung tính	Tiêu cực
VNSmall	Trung tính	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Trung tính

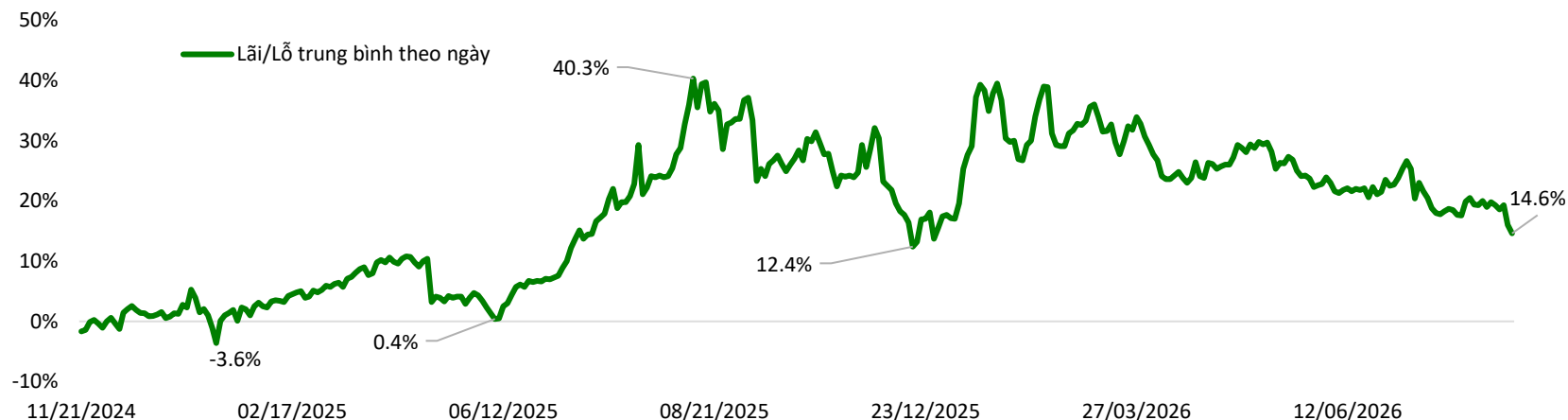


Nguồn: Vietcap

- VN-Index chịu quán tính điều chỉnh với áp lực bán lan rộng. Trong đó, Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ và Dầu khí là các nhóm chịu sức ép lớn hơn từ lực cung. Ở nhóm Bất động sản, áp lực bán tập trung chủ yếu tại Vingroup, trong khi các cổ phiếu còn lại ít bị ảnh hưởng hơn. Dưới vùng hỗ trợ 1.740 điểm, lực cầu giá thấp có xuất hiện nhưng còn khá mờ nhạt so với trạng thái bán trong ngày.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index lần lượt đánh mất hai mốc hỗ trợ quan trọng là 1.775 điểm và 1.740 điểm trong hai phiên gần đây, qua đó xác nhận sự áp đảo của quán tính giảm ngắn hạn và khiến cấu trúc hồi phục bị vi phạm. Do đó, xác suất hiện nghiêng về kịch bản chỉ số tiếp tục lùi về vùng giá thấp 1.650–1.700 điểm.
- Đánh giá rủi ro, thị trường đang bị chi phối bởi lực bán chủ động, trong khi lực mua quanh vùng giá thấp chưa đủ rõ để cân bằng áp lực giảm. Vì vậy, rủi ro điều chỉnh còn chiếm ưu thế. Nếu xuất hiện nhịp hồi phục, VN-Index cần vượt lại vùng 1.740 điểm kèm lực cầu lan tỏa để trung hòa trạng thái tiêu cực hiện tại. Đây cũng là tín hiệu cần thiết để tái kích hoạt điểm mua hoặc gia tăng tỷ trọng trong ngắn hạn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GMD	31/07/2026		Đang mở	78,700	75,000	4.9%	72,000	85,000	75,000	
VIC	31/07/2026	14/08/2026	Dừng lỗ	204,000	215,000	-5.1%	204,000	247,000		
NVL	05/08/2026		Đang mở	13,250	13,450	-1.5%	12,600	15,300		
STB	06/08/2026	14/08/2026	Đóng hòa vốn	72,800	72,800	0.0%	71,000	81,000	72,800	
PLX	11/08/2026	14/08/2026	Dừng lỗ	35,300	36,500	-3.3%	35,300	41,800		
ACB	11/08/2026		Đang mở	22,150	22,500	-1.6%	22,100	24,400		
VND	11/08/2026	14/08/2026	Dừng lỗ	16,400	16,900	-3.0%	16,400	18,800		
MBB	13/08/2026		Đang mở	20,000	20,300	-1.5%	20,000	22,000	19,800	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	200,400	-3.61%	-6.79%	1,555,542	-12.730	2,920	9.2	68.6	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VHM	68,200	-5.01%	-6.58%	560,251	-6.372	9,718	2.2	7.0	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	58,500	-1.68%	-2.01%	488,807	-1.864	4,984	2.0	11.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
GVR	31,200	-4.44%	4.87%	124,800	-1.257	1,783	2.1	17.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BSR	25,350	-4.34%	-2.15%	126,935	-1.250	3,933	1.7	6.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	31,450	-2.18%	-3.23%	244,270	-1.206	5,172	1.2	6.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	76,000	-2.44%	1.88%	183,384	-1.015	5,265	2.7	14.4	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
BID	38,250	-1.54%	-2.05%	278,462	-0.976	4,549	1.4	8.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LPB	52,400	-2.60%	-0.95%	156,534	-0.924	3,780	3.6	13.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	21,250	-2.07%	-3.41%	179,413	-0.844	2,750	1.3	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GEE	67,500	-5.59%	0.60%	43,234	-0.549	5,561	5.4	12.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BCM	43,050	-5.38%	11.53%	44,557	-0.544	2,066	2.0	20.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	39,150	-2.13%	-0.38%	108,620	-0.524	2,237	2.4	17.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TCB	32,000	0.95%	7.74%	226,760	0.487	3,829	1.3	8.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPB	25,100	-0.99%	0.40%	199,141	-0.446	3,758	1.1	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	117,500	-3.69%	-4.63%	35,250	-0.785	11,736	5.3	10.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
THD	138,000	-1.71%	-15.49%	53,130	-0.549	396	10.5	348.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
KSF	79,000	-1.25%	-1.99%	71,083	-0.537	17,023	3.3	4.6	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
NVB	11,000	-2.65%	-1.79%	32,171	-0.516	145	2.3	75.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	15,300	-3.16%	-1.92%	13,762	-0.263	1,119	1.1	13.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	13,100	-2.96%	-2.24%	13,995	-0.250	476	1.3	27.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	34,500	-1.43%	0.58%	17,644	-0.152	4,107	1.1	8.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	33,600	-1.75%	0.00%	14,026	-0.149	5,201	2.1	6.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	10,800	1.89%	0.00%	12,448	0.142	1,044	0.9	10.3	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PTI	22,000	4.76%	17.02%	2,653	0.076	2,212	1.0	10.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

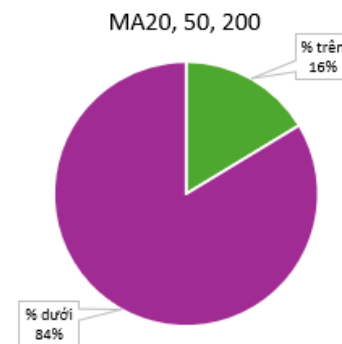
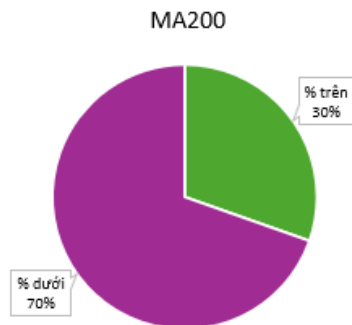
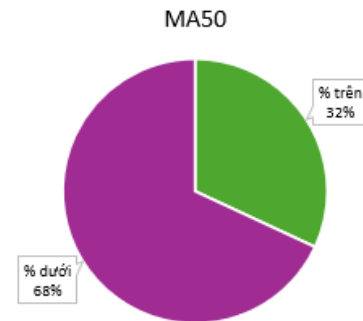
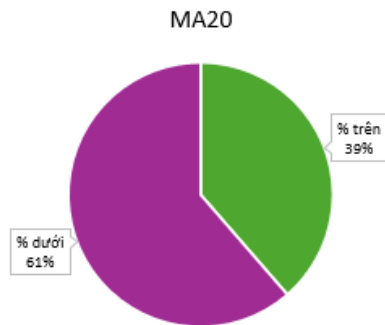
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	82,700	-2.71%	-4.39%	253,696	-0.787	4,019	6.7	20.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	64,900	4.68%	6.39%	77,068	0.413	2,296	4.9	28.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	40,500	-1.22%	-2.41%	145,385	-0.203	3,117	2.0	13.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	63,400	-3.06%	-3.50%	47,246	-0.166	4,936	3.7	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PCB	10,900	-6.03%	0.00%	9,848	-0.068	1,710	0.8	6.4	Tích cực			Tiêu cực
DNW	35,300	12.78%	19.66%	4,176	0.061	2,775	1.7	12.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TVN	10,000	6.38%	8.70%	6,858	0.050	1,160	0.7	8.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LLM	32,900	-14.99%	-7.58%	2,692	-0.046	12,785	1.3	2.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNZ	603,000	2.20%	-9.99%	18,261	0.046	15,830	19.9	38.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	34,700	-0.86%	-1.42%	46,152	-0.045	5,816	1.9	6.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HUT	13,100	-3.0%	15.6	30.3	13,400	20,500	1.3	27.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	3,200	-5.9%	8.8	1.9	1,700	8,100	-0.9	-1.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TVN	10,000	6.4%	36.7	6.2	7,300	11,900	0.7	8.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGT	12,500	5.0%	19.2	3.8	10,600	16,000	0.8	6.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			14/08/2026	13/08/2026	12/08/2026	11/08/2026	10/08/2026	07/08/2026	06/08/2026	05/08/2026
VNINDEX	MA200	Trên	25%	25%	26%	25%	25%	23%	22%	22%
		Dưới	75%	75%	74%	75%	75%	77%	78%	78%
	MA50	Trên	31%	34%	35%	34%	36%	30%	26%	29%
		Dưới	69%	66%	65%	66%	64%	70%	74%	71%
	MA20	Trên	50%	57%	64%	62%	58%	45%	38%	41%
		Dưới	50%	43%	36%	38%	42%	55%	62%	59%
VN30	MA200	Trên	33%	37%	37%	33%	33%	37%	30%	33%
		Dưới	67%	63%	63%	67%	67%	63%	70%	67%
	MA50	Trên	37%	43%	53%	50%	50%	43%	30%	27%
		Dưới	63%	57%	47%	50%	50%	57%	70%	73%
	MA20	Trên	57%	77%	97%	90%	83%	63%	50%	67%
		Dưới	43%	23%	3%	10%	17%	37%	50%	33%
HNX	MA200	Trên	29%	29%	29%	29%	27%	27%	27%	26%
		Dưới	71%	71%	71%	71%	73%	73%	73%	74%
	MA50	Trên	30%	31%	28%	31%	30%	26%	26%	26%
		Dưới	70%	69%	72%	69%	70%	74%	74%	74%
	MA20	Trên	29%	29%	29%	29%	27%	27%	27%	26%
		Dưới	71%	71%	71%	71%	73%	73%	73%	74%
UPCOM	MA200	Trên	34%	34%	36%	34%	33%	32%	31%	31%
		Dưới	66%	66%	64%	66%	67%	68%	69%	69%
	MA50	Trên	34%	34%	35%	33%	33%	32%	31%	31%
		Dưới	66%	66%	65%	67%	67%	68%	69%	69%
	MA20	Trên	33%	33%	33%	34%	34%	33%	34%	33%
		Dưới	67%	67%	67%	66%	66%	67%	66%	67%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16	Tháng 8										Tháng 7									
	14	13	12	11	10	07	06	05	04	03	31	30	29	28	27	24	23	22	21	20
1 Bán lẻ	71	73	71	71	68	59	60	61	56	50	42	35	29	24	24	28	27	25	27	30
2 Tài nguyên Cơ bản	62	61	64	65	66	64	64	62	61	58	54	51	48	45	45	41	41	41	36	38
3 Ô tô và phụ tùng	55	56	56	57	61	58	60	60	57	57	56	54	54	52	51	51	50	50	50	48
4 Điện, nước & xăng d...	52	57	59	62	61	52	50	50	52	49	37	36	36	36	36	37	37	38	39	44
5 Hàng & Dịch vụ Côn...	49	51	53	52	48	39	36	36	35	32	29	29	24	22	23	24	25	26	25	30
6 Thực phẩm và đồ uố...	48	48	47	46	46	43	42	45	47	44	42	41	36	33	31	31	34	36	36	39
7 Ngân hàng	44	49	52	52	51	44	44	47	46	40	35	33	32	32	33	34	36	38	41	44
8 Xây dựng và Vật liệu	42	42	41	39	39	36	37	39	39	33	31	28	27	28	27	27	26	25	27	29
9 Hóa chất	41	44	46	47	47	41	34	36	36	31	30	28	24	24	24	23	23	24	25	29
10 Hàng cá nhân & Gia ...	39	34	33	35	31	24	25	26	28	27	23	21	17	16	16	17	16	15	15	16
11 Truyền thông	37	61	64	64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12 Du lịch và Giải trí	35	37	39	39	39	37	41	38	37	30	26	24	22	22	23	25	26	28	31	33
13 Dịch vụ tài chính	31	35	37	38	36	31	33	37	35	31	34	30	28	25	30	35	35	34	36	40
14 Dầu khí	30	38	44	40	42	39	31	31	33	30	31	30	29	28	31	25	23	23	32	37
15 Bất động sản	28	30	33	32	32	31	33	34	32	29	27	26	22	20	21	21	20	21	22	24
16 Công nghệ Thông tin	27	30	44	46	46	40	44	46	42	30	23	20	18	17	16	17	17	16	20	24

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DMX	89,800	-0.2%	6.9%	113,841	6.4	17.2	5,221	40.9	Tích cực	9.5			
GMD	78,700	0.3%	1.9%	34,069	2.5	13.0	6,057	106.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OCB	11,000	0.0%	5.8%	33,688	0.9	7.6	1,454	36.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBT	23,300	1.3%	11.0%	21,119	1.8	25.5	915	24.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	42,700	-0.7%	2.2%	14,000	2.1	11.4	3,743	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	31,500	0.3%	1.3%	11,492	2.6	121.5	259	55.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	52,300	1.0%	7.4%	10,734	2.5	9.0	5,810	24.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PVT	19,950	-0.3%	8.7%	10,313	1.1	7.4	2,711	125.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGT	12,500	5.0%	9.6%	6,165	0.8	6.0	2,053	19.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TLG	51,800	-3.2%	6.5%	5,000	2.0	10.8	4,779	15.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TDP	29,900	-0.7%	4.9%	2,802	2.2	20.1	1,489	8.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CTF	20,700	-0.2%	4.5%	1,980	2.0	137.0	151	6.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	61,600	0.0%	-0.6%	128,741	4.0	11.7	5,246	226.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	45,300	-1.2%	1.2%	58,100	3.0	12.2	3,723	37.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	142,900	-2.7%	8.3%	25,553	5.3	22.5	6,359	118.1	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TRC	80,500	-2.8%	7.5%	2,415	1.1	8.4	9,625	9.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	17,800	-0.6%	5.3%	1,846	0.9	5.7	3,113	9.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	32,000	0.9%	7.7%	226,760	1.3	8.4	3,829	493.4	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSR	39,900	0.0%	2.3%	43,955	3.1	18.0	2,209	56.5	Tích cực	6.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DGW	41,600	-3.6%	5.6%	9,200	2.5	11.0	3,785	40.3	Tích cực	6.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
F88	65,700	-1.6%	-1.4%	15,402	5.1	15.3	4,365	13.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	13,100	-3.0%	-2.2%	13,995	1.3	27.5	476	15.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
POW	13,250	-1.9%	-2.6%	40,649	1.0	6.3	2,098	115.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
NAB	11,700	-0.4%	-0.8%	25,258	1.0	5.2	2,265	14.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	16,250	-1.8%	-2.4%	24,737	1.2	9.2	1,773	189.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PC1	20,500	-1.0%	-0.7%	8,431	1.3	7.2	2,861	36.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVB	12,100	-1.6%	-2.4%	7,754	1.0	10.0	1,216	8.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCL	38,200	-1.8%	-2.6%	2,790	1.9	-1,236.7	-31	20.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	16,500	-0.6%	-0.9%	1,941	0.8	8.8	1,873	12.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HBC	4,100	-2.4%	-4.7%	1,397	0.7	6.0	675	5.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,100	-1.0%	0.4%	199,141	1.1	6.7	3,758	349.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HPG	21,250	-2.1%	-3.4%	179,413	1.3	7.7	2,750	589.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPL	74,500	-3.2%	-5.7%	133,601	3.0	44.8	1,662	48.0	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	39,150	-2.1%	-0.4%	108,620	2.4	17.5	2,237	62.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VJC	123,200	-1.4%	-1.8%	94,752	3.6	43.5	2,830	162.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KSF	79,000	-1.3%	-2.0%	71,083	3.3	4.6	17,023	10.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tích cực	Trung tính
VRE	23,950	-2.6%	-4.0%	54,422	1.1	7.5	3,191	207.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VIB	14,400	-1.0%	-1.7%	49,018	1.0	6.6	2,180	64.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
FOX	63,400	-3.1%	-3.5%	47,246	3.7	13.0	4,936	5.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GEE	67,500	-5.6%	0.6%	43,234	5.4	12.1	5,561	152.4	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,330	-0.83%	-2.57%	25,500	203.6%	(337)	0.8	-24.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	17,700	-0.28%	-1.39%	42,600	140.0%	1,565	1.1	11.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
NLG	22,800	1.33%	2.70%	45,800	103.6%	1,407	0.9	16.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDC	11,850	2.16%	1.28%	21,400	84.5%	2,909	0.9	4.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HDG	16,200	-0.61%	-2.11%	28,700	76.1%	1,803	1.0	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BMI	13,350	-1.11%	-1.84%	23,100	71.1%	1,983	0.7	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
PVS	34,500	-1.43%	0.58%	58,800	68.0%	4,107	1.1	8.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DCM	30,500	-0.97%	-3.48%	51,000	65.6%	4,945	1.4	6.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VGC	40,300	-0.74%	4.68%	66,800	64.5%	3,173	2.2	12.7	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	21,250	-2.07%	-3.41%	35,400	63.1%	2,750	1.3	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DPG	30,500	-0.33%	1.67%	48,900	59.8%	3,441	1.2	8.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEX	24,650	-2.95%	0.41%	40,500	59.4%	1,048	1.6	23.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	20,300	0.00%	0.50%	31,900	57.1%	1,738	1.2	11.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	11,500	5.99%	7.48%	17,000	56.7%	157	1.0	73.4	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CTG	31,450	-2.18%	-3.23%	50,000	55.5%	5,172	1.2	6.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	20,000	-0.74%	-0.58%	31,300	55.3%	3,244	1.4	6.2	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PTB	33,200	-1.34%	-0.90%	52,000	54.5%	5,856	0.9	5.7	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	6,000	2.74%	1.87%	8,800	50.7%	402	0.5	14.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPB	25,100	-0.99%	0.40%	38,000	49.9%	3,758	1.1	6.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
IDC	33,600	-1.75%	0.00%	51,200	49.7%	5,201	2.1	6.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn